

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 380/2021/DS-ST

Ngày: 12/3/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lý

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 439/2020/TLST-DS ngày 04/11/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà La Thị Trà M, sinh năm 1992

Địa chỉ: đường B, khu phố B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1965

Địa chỉ: Đường N, khu phố M, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Võ Trọng H, sinh năm 1991

Địa chỉ: đường B, khu phố B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà La Thị Trà M trình bày:

Ngày 20/8/2020, bà M cho bà Nguyễn Thị Phương D vay số tiền 990.000.000 đồng theo hợp đồng mượn tiền được ký kết giữa bà M và bà D. Khi vay hai bên không

thỏa thuận lãi suất. Thời hạn hoàn trả vốn là ngày 30/8/2020. Bà D đã nhận đủ số tiền vay. Đến hạn trả nợ, bà M đã nhiều lần yêu cầu bà D trả số tiền nợ vay nhưng bà D vẫn không trả. Số tiền bà M cho bà D vay là tài sản chung của bà M và chồng là ông Lê Võ Trọng H. Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu bà D trả lại cho bà M và ông H số tiền nợ gốc đã nhận là 990.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Ngoài ra, bà M không có yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Võ Trọng H trình bày:

Số tiền bà M cho bà D vay là tài sản chung của vợ chồng ông H và bà M. Về nội dung vụ án, ông H có cùng ý kiến, yêu cầu với bà M. Ngoài ra, ông H không có yêu cầu nào khác.

4. Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà La Thị Trà M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà D trả lại cho bà M và ông H số tiền nợ vay đã nhận là 990.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Ngoài ra, bà M không có yêu cầu nào khác.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Võ Trọng H có cùng ý kiến và yêu cầu với nguyên đơn.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật.

4.2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, cùng lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà La Thị Trà M khởi kiện yêu cầu bà D trả lại số tiền nợ vay. Theo Kết quả xác minh của Công an phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà D có đăng ký thường trú tại Đường H, khu phố M, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã bỏ đi từ tháng 8/2020 cho đến nay, đi đâu, làm gì không rõ. Đồng thời, theo hợp đồng mượn tiền được ký kết giữa bà M và bà D thể hiện địa chỉ bà D ghi trong hợp đồng là địa chỉ nơi thường trú. Căn cứ Khoản 1 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án

nhân dân tối cao thì quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D.

[2] Về nội dung:

Bị đơn bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà M nhưng vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của bà M, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ hợp đồng mượn tiền lập giữa bà M và bà D, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà D có mượn của bà M số tiền 990.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn hoàn lại vốn là ngày 30/8/2020. Khi vay mượn hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Bà M xác định từ khi vay tiền đến khi khởi kiện bà D vẫn chưa trả bất kỳ khoản tiền nào cho bà M. Số tiền bà M cho bà D vay là tài sản chung của bà M và ông H.

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định bà D có nghĩa vụ trả lại số tiền đã vay của bà M khi đến hạn. Do bà D không trả nợ nên bà M khởi kiện yêu cầu bà D trả lại cho bà M và ông H số tiền vay là 990.000.000 đồng là có căn cứ. Ghi nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu bà D trả tiền lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà M và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T là có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho bà M, ông H là 990.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 40, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà La Thị Trà M.

Buộc bà Nguyễn Thị Phương D có trách nhiệm trả cho bà La Thị Trà M, ông Lê Võ Trọng H số tiền còn nợ là 990.000.000 (Chín trăm chín mươi triệu) đồng.

2. Trường hợp bà Nguyễn Thị Phương D chậm trả tiền thì bà Nguyễn Thị Phương D phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Phương D phải chịu là 41.700.000 (Bốn mươi một triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Trả lại cho bà La Thị Trà M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.850.000 (Hai mươi triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0058132 ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo:

Bà La Thị Trà M, ông Võ Trọng H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị Phương D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND thành phố T, TPHCM;
- CCTHADS thành phố T, TPHCM;
- Dương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Châu